

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2021

ĐIỂM THI

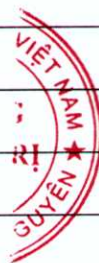
PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 2, TẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU I

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn An	01	10	7,5	Bảy rưỡi	
2	Vi Hà Bắc	02	01	7,0	Bảy	
3	Hoàng Văn Bắc	03	04	7,0	Bảy	
4	Đồng Xuân Bách	04	43	7,5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Văn Bình	05	21	7,5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Minh Châu	06	14	8,0	Tám	
7	Đặng Văn Chính	07	62	7,0	Bảy	
8	Hoàng Đình Chinh	08	67	7,0	Bảy	
9	Đặng Sĩ Chung	09	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Triệu Xu Cơ	10	27	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trương Đức Cường	11	63	6,5	Sáu rưỡi	
12	Bàn Ngọc Cương	12	20	7,0	Bảy	
13	Lý Văn Cường	13	56	6,5	Sáu rưỡi	
14	Nội Viết Đạt	14	64	7,0	Bảy	
15	Trần Quang Tiến Đạt	15	06	7,0	Bảy	
16	Hoàng Văn Dậu	16	26	7,0	Bảy	
17	Triệu Tồn Điều	17	44	7,0	Bảy	
18	Hoàng Trường Đoan	18	52	7,5	Bảy rưỡi	
19	Đinh Ngọc Đoàn	19	69	6,5	Sáu rưỡi	
20	Đỗ Tiến Dương	20	07	8,5	Tám rưỡi	
21	Trần Văn Dương	21	08	7,0	Bảy	
22	Hoàng Đức Giang	22	71	6,5	Sáu rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Tổng Duy Hải	23	60	7,0	Bảy	
24	Trần Vũ Ngọc Hải	24	61	7,0	Bảy	
25	Vì Văn Hiệp	25	70	7,0	Bảy	
26	Vy Mạnh Hiếu	26	12	7,0	Bảy	
27	Hoàng Văn Hùng	27	02	7,5	Bảy rưỡi	
28	Lăng Văn Hường	28	40	7,5	Bảy rưỡi	
29	Triệu Văn Huy	29	39	7,0	Bảy	
30	Lý Quang Huy	30	24	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Đình Huynh	31	05	8,0	Tám	
32	Triệu Quốc Khánh	32	65	7,5	Bảy rưỡi	
33	Hoàng Văn Khánh	33	29	6,5	Sáu rưỡi	
34	Lâm Văn Khiêm	34	18	7,0	Bảy	
35	Hoàng Văn Khoa	35	46	7,5	Bảy rưỡi	
36	Lâm Văn Khoa	36	48	7,0	Bảy	
37	Trịnh Viết Lãm	37	19	8,0	Tám	
38	Bế Quang Linh	38	34	7,0	Bảy	
39	Nông Đặng Linh	39	36	7,0	Bảy	
40	Đặng Văn Lợi	40	23	7,0	Bảy	
41	Lý Văn Luân	41	32	6,5	Sáu rưỡi	
42	Giàng A Lỏ	42	17	7,5	Bảy rưỡi	
43	Lương Minh Mẫn	43	38	6,5	Sáu rưỡi	
44	Đặng Hoàng Mạnh	44	55	6,5	Sáu rưỡi	
45	Nông Công Mạnh	45	13	8,0	Tám	
46	Vũ Giang Nam	46	51	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Văn Ngọc	47	30	7,0	Bảy	
48	Triệu Văn Phong	48	03	7,5	Bảy rưỡi	
49	Triệu Tiến Phúc	49	47	7,0	Bảy	
50	Hoàng Đức Quân	50	57	6,5	Sáu rưỡi	
51	Tô Văn Quân	51	22	7,5	Bảy rưỡi	
52	Nguyễn Hải Sản	52	50	6,5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Vi Công Soạn	53	53	7,0	Bảy	
54	Nông Văn Tài	54	31	7,0	Bảy	
55	Lộc Văn Thọ	55	35	6,5	Sáu rưỡi	
56	Nguyễn Quang Thoan	56	49	7,5	Bảy rưỡi	
57	Nông Văn Thư	57	15	7,0	Bảy	
58	Hoàng Văn Thực	58	28	7,0	Bảy	
59	Hoàng Kim Thương	59	42	7,5	Bảy rưỡi	
60	Đinh Trung Toàn	60	45	7,5	Bảy rưỡi	
61	Hoàng Văn Trọng	61	33	7,0	Bảy	
62	Phạm Văn Trung	62	41	7,5	Bảy rưỡi	
63	Lý Công Trường	63	37	7,0	Bảy	
64	Nguyễn Đình Tuấn	64	58	6,5	Sáu rưỡi	
65	Nguyễn Quốc Tuấn	65	68	6,5	Sáu rưỡi	
66	Triệu Anh Tuấn	66	11	7,5	Bảy rưỡi	
67	Hoàng Anh Tuấn	67	66	7,0	Bảy	
68	Nguyễn Văn Tuấn	68	59	7,0	Bảy	
69	Lê Đình Văn	69	54	8,0	Tám	
70	Trần Đức Việt	70	16	8,0	Tám	
71	Dương Quang Vinh	71	25	7,0	Bảy	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**

Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên